TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **44**/2018/DS-PT
Ngày: 19 - 3 - 2018
V/v: "Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản trên đất và hủy quyết định cá biệt"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vũ Thanh Liêm**

Các thẩm phán: Ông **Phạm Bá Sơn**

Ông **Phạm Việt Cường**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Ngọc Đức**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Trần Thanh Tuấn**, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 34/2017/TLPT-DS ngày 07/11/2017 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản trên đất và hủy quyết định cá biệt". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017/DS-ST ngày 26 tháng 07 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34A/2018/QĐ-PT ngày 28 - 02 - 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Trần Xuân H**; địa chỉ: Tổ dân phố Dinh, phường Q1, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Trần Xuân H: Ông **Bùi Bá D** – Luật sư, Đoàn luật sư tỉnh Quảng Nam; địa chỉ: 43 đường Ng, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà **Trần Thị Th**; địa chỉ: Ngõ số 8, đường L, phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. **Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình.** Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

3.2. Ông **Phan Văn H1**; địa chỉ: Ngõ số 8, đường Lê Thành Đồng, phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Văn H1: Ông **Phan Văn H2**; địa chỉ: 33/82 đường N, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Theo giấy ủy quyền ngày 12 - 3 - 2018. Có mặt.

3.3. Ông **Trương Quang Ng** và bà **Tôn Thị L**; cùng địa chỉ: Tổ dân phố M, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 14 - 3 - 2018.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, ông Trần Xuân H trình bày:

Năm 1990, ông được Trạm khai thác lâm đặc sản xuất khẩu Quảng Bình bán thanh lý ngôi nhà ăn, nhà bếp và giếng nước với giá 5.000.000 đồng theo Quyết định số 13 QĐ/HC ngày 30/4/1990. Đến năm 2001, do em gái của ông là bà Trần Thị Th đi làm ăn ở miền Nam về không có nhà để ở nên ông đã cho bà Th mượn ở. Lợi dụng việc đó, bà Th đã làm giả các giấy tờ để đến năm 2012 được Ủy ban nhân dân huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 718880 đối với thửa đất số 186, tờ bản đồ số 27 tại thôn M, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (nay là phường M, thị xã B, tỉnh Quảng Bình). Sau đó bà Th đã bán lại mảnh đất này cho ông Trương Quang Ng và bà Tôn Thị L rồi vào thành phố Đ sinh sống mà không thông báo cho ông. Nay ông H khởi kiện đòi lại đất và tài sản gắn liền trên đất và yêu cầu Toà án huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Uỷ ban nhân dân huyện Q đã cấp cho bà Trần Thị Th.

Bị đơn bà Trần Thị Th trình bày:

Năm 1990, anh trai bà là ông Trần Xuân H có nói với bà là ông đã xin Trạm khai thác lâm đặc sản xuất khẩu Quảng Bình hoá giá tài sản của Trạm cho bà. Ông H đã đưa cho bà Th Quyết định số 23 QĐ/HC ngày 30/4/1990 của Trạm khai thác lâm đặc sản xuất khẩu Quảng Bình về việc bán thanh lý nhà ăn, nhà bếp và giếng nước cho bà với giá 5.000.000 đồng. Kèm theo quyết định thanh lý thì ông H còn giao cho bà Th tờ trình của Trạm khai thác lâm đặc sản xuất khẩu Quảng Bình về việc đề nghị Uỷ ban nhân dân xã Q tạo điều kiện cấp đất ở cho bà Th trên diện tích đất có tài sản mà bà Th được thanh lý. Vì thấy có chữ ký của ông Lam (Phó Trạm) và dấu đỏ nên bà đã đưa cho ông H số tiền 5.000.000 đồng để nộp cho Trạm. Sau đó được Trạm khai thác lâm đặc sản xuất khẩu

Quảng Bình giao chìa khoá thì bà Th đã về dọn dẹp khu nhà trên để ở. Thời gian đầu do vợ chồng chưa có việc làm ổn định nên thỉnh thoảng bà Th mới về để dọn dẹp. Đến năm 2000 thì vợ chồng bà đã sửa sang lại để ở ổn định cho đến nay đã hơn 20 năm. Trong quá trình sử dụng đất, bà Th đã nộp thuế và các khoản đóng góp khác đầy đủ theo quy định của địa phương. Năm 2009, Uỷ ban nhân dân huyện Q có chủ trương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân sinh sống ổn định trên địa bàn, bà Th đã làm đầy đủ thủ tục và hoàn thành nghĩa vụ tài chính nên đến ngày 04/6/2012, bà được Uỷ ban nhân dân huyện Q cấp giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 718880 đối với thửa đất số 186, tờ bản đồ số 27, diện tích 475,2m^2, trong đó có 250m^2 đất ở và 225,2m^2 đất vườn; địa chỉ tại thôn M, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (nay là Tổ dân phố M, phường Q, thị xã B). Năm 2015, do điều kiện gia đình bà phải chuyển vào thành phố Đ để sinh sống, nên ngày 04/5/2015 bà Th đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất trên cho anh Trương Quang Ng và chị Tôn Thị L. Đối với số tài sản mà bà Th đã mua hoá giá trước đây gồm nhà ăn, giếng nước đều được làm tạm bợ, thời gian sử dụng đã lâu nên đã mục nát, hư hỏng nên khi chuyển nhượng đất cho anh Ng, chị L thì không xem xét đến giá trị ngôi nhà và giếng nước.

Vì vậy, bà đề nghị Toà án xử không chấp nhận đơn khởi kiện của ông H.

Người đại diện theo uỷ quyền của Uỷ ban nhân dân (UBND) thị xã B, ông Nguyễn Minh Đạt trình bày:

Hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Th đầy đủ giấy tờ theo quy định của Luật đất đai năm 2003; Quy trình thủ tục thực hiện đúng theo quy định của UBND tỉnh Quảng Bình tại Quyết định số 1538/QĐ- UBND ngày 01/7/2009. Giấy tờ thanh lý hoá giá nhà ở là một loại giấy tờ để chứng minh nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất. Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Th căn cứ theo quy định tại khoản 9 Điều 49 Luật đất đai 2003 và khoản 4 Điều 2 Nghị định 120/2010/NĐ-CP, ngày 30/12/2010 của Chính phủ. Điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quy định tại Điều 14 Nghị định 84/2007/NĐ-CP, phải căn cứ nguồn gốc sử dụng đất, thời điểm sử dụng đất, việc sử dụng ổn định theo mục đích sử dụng đất, sự phù hợp với quy hoạch, tình trạng tranh chấp đất đai. Áp dụng đối với trường hợp bà Th thuộc trường hợp đất sử dụng ổn định, không có giấy tờ gốc (theo khoản 1, 2, 5 Điều 50 Luật đất đai 2003) và có nguồn gốc do mua tài sản thanh lý của tổ chức (theo khoản 4 Điều 2 Nghị định 120/2010/NĐ-CP). Sau khi công khai kết quả kiểm tra tại trụ sở UBND xã nơi có đất, sau một thời gian không có ý kiến phản ánh thì hồ sơ gửi lên cơ quan chuyên môn cấp huyện để thực hiện theo quy định.

Như vậy, căn cứ thời điểm nộp hồ sơ, hiện trạng sử dụng đất tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận thửa đất do bà Th sử dụng. Việc ông H tự ý làm giả giấy tờ, giả mạo chữ ký để giao cho bà Th lập hồ sơ đồng nghĩa với việc ông H đồng ý cho bà Th được cấp giấy chứng nhận và không có tranh chấp tại thời điểm cấp giấy chứng nhận. Việc làm giấy tờ giả mạo, sử dụng giấy tờ giả mạo dẫn đến việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình vi phạm quy định hiện hành tại khoản 3 Điều 28 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp được thực hiện theo quy định tại Điều 106 Luật đất đai 2013.

Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện UBND thị xã B nêu quan điểm là không thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Th. Đề nghị Toà án xem xét giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Vợ chồng ông Trương Quang Ng và bà Tôn Thị L trình bày:

Nhà ông Ng, bà L ở sát thửa đất của bà Th. Do biết bà Th đã sinh sống trên thửa đất đó trên 20 năm, không có ai tranh chấp, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đến năm 2015 khi nghe tin bà Th bán đất thì ông Ng, bà L đã mua để mở rộng diện tích sử dụng. Thủ tục mua bán được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Khi tiến hành mua bán đất, vợ chồng ông Ng không biết đến việc sẽ có tranh chấp giữa bà Th với ông H. Theo ông Ng, bà L thì khu nhà bếp nằm trên thửa đất mà bà Th bán cho ông Ng, bà L đã hư hỏng nặng, không còn giá trị sử dụng nên sau khi mua đất thi vợ chồng ông đã thuê người tháo dỡ và san bằng cả khu đất đó. Hiện tại ông Ng, bà L đã xây hàng rào kiên cố bao quanh cả khu vườn của ông (trong đó có cả thửa đất mà bà Th đã bán cho ông Ng, bà L). Do đó, ông Ng bà L đề nghị Toà án xem xét, giải quyết vụ án đúng pháp luật, không chấp nhận đơn khởi kiện của ông H để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho vợ chồng ông.

Ông Phan Văn Hoà là người đại diện theo uỷ quyền của ông Phan Văn H1 trình bày:

Ông Phan Văn H1 và bà Th là hai vợ chồng, về nguồn gốc thửa đất và quá trình mua bán đất đều đúng như ý kiến bà Th đã trình bày, đề nghị Toà án bác đơn khởi kiện của ông Trần Xuân H để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho vợ chồng bà Th với ông Phan Văn H1.

Những người làm chứng gồm: Ông Trần Quang L1, Bà Lê Thị Thu H2, Bà Trần Thị Thái Th, Bà Trần Thị Th1, Bà Trần Thị L2, Bà Trần Thị Lệ M (đều là anh, chị, em ruột của ông Trần Xuân H và bà Th) đều trình bày: Họ đều biết năm 1990 bà Trần Thị Th có mua được một căn nhà bếp của Trạm khai thác lâm đặc sản xuất khẩu Quảng Bình bán thanh lý, tại thời điểm đó ông Trần Xuân H

đang làm giám đốc. Sau khi mua được nhà thanh lý thì anh chị em trong gia đình đã đến chúc mừng và đóng góp vật chất để bà Th sửa sang lại nhà để ở. Bà Th đã sử dụng ổn định từ năm 1990 cho đến khi bán mà ông H không hề có ý kiến hoặc tranh chấp gì. Việc ông H trình bày trước Toà đã cho em gái (bà Th) mượn nhà để ở là hoàn toàn không đúng. Đề nghị Toà án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Th theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017/DS-ST ngày 26 tháng 07 năm 2017, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình quyết định:

Căn cứ vào các Điều 34, 37, 156 và khoản 1 Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 164, 168, 169, 170, 255, 256 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 49, Điều 50 Luật đất đai năm 2003 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2009, 2010); điểm d khoản 2 Điều 106, Điều 203 của Luật đất đai năm 2013.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Xuân H về việc buộc bà Trần Thị Th trả lại đất cùng các tài sản trên đất gồm nhà ăn, nhà bếp, giếng nước và yêu cầu Toà án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 718880 đối với thửa đất số 186, tờ bản đồ số 27 của UBND huyện Q (nay là UBND thị xã B) đã cấp cho bà Trần Thị Th.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/8/2017, nguyên đơn ông Trần Xuân H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Trần Xuân H giữ nguyên đơn khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Ông Trần Xuân H cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ thiếu khách quan, đứng về phía bị đơn bà Trần Thị Th đã tuyên bản án không đúng pháp luật làm thiệt hại quyền và lợi ích chính đáng của gia đình ông. Nguyên đơn, ông Trần Xuân H cũng như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc bà Trần Thị Th trả lại đất cùng các tài sản trên đất gồm nhà ăn, nhà bếp, giếng nước và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 718880 ngày 04/6/2012 của UBND huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình cấp cho bà Trần Thị Th, yêu cầu giám định lại tuổi mực tại Quyết định số 23 QĐ/HC ngày 30/4/1990 để làm rõ vụ án.

Bị đơn bà Trần Thị Th không nhất trí với nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Xuân H và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Xuân H và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghe nguyên đơn, bị đơn, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày, căn cứ vào kết quả tranh tụng, các chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thấy:

[1]. Ông Trần Xuân H và bà Trần Thị Th là 2 anh em ruột: Ngày 30/4/1990, Trạm khai thác lâm đặc sản xuất khẩu Quảng Bình đã ban hành Quyết định số 13 QĐ/HC bán ngôi nhà ăn cộng giếng nước cho ông Trần Xuân H là Trạm trưởng Trạm khai thác lâm đặc sản xuất khẩu Quảng Bình (toàn bộ khu nhà ăn, nhà bếp, giếng nước, từ cây xoan phía trước đến giáp nhà ông Hải – diện tích đất 435m^2). Giá toàn bộ tài sản trên là 5.000.000 đồng do ông Lê Hồng Lam ký. Theo bản tường trình ngày 26/9/2016 và lời khai ngày 26/9/2016 của ông Trần Xuân H tại cơ quan điều tra Công an thị xã B thể hiện: Khi cơ quan giải thể ông H có giữ mấy tờ giấy khống chỉ (có dấu chưa có chữ ký). Ông H đã làm giả Quyết định số 23 QĐ/HC ngày 30/4/1990 và Tờ trình số 26/CV-HC ngày 15/5/1990 của Trạm khai thác lâm đặc sản xuất khẩu Quảng Bình ký giả chữ ký của ông Lam. Mục đích là để hợp thức hóa các loại giấy tờ làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho em gái ông là bà Trần Thị Th để cho bà Th có nhà ở để sinh sống. Tại Quyết định số 23 QĐ/HC ngày 30/4/1990 giống với Quyết định số 13/QĐ-HC ngày 30/4/1990 chỉ khác phần bán ngôi nhà ăn cộng giếng nước cộng bếp cho bà Trần Thị Th là nhân viên kế toán của Trạm khai thác lâm đặc sản xuất khẩu Quảng Bình… Tại Tờ trình số 26/CV-HC ngày 15/5/1990 của Trạm khai thác lâm đặc sản xuất khẩu Quảng Bình gửi UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình thể hiện: Nay chúng tôi làm tờ trình này kính trình UBND xã Q tạo mọi điều kiện làm thủ tục xin cấp đất ở cho bà Trần Thị Th là người được cơ quan bán ngôi nhà thanh lý và toàn bộ tài sản trên đất… Tại phiên tòa sơ thẩm, ông H khai: Năm 2001 bà Th ở Miền Nam về thì ông cho bà Th ở nhờ, lúc ông khai ông có ý định nhường cho bà Th, có ý định ông cho nhưng sau đó vợ chồng ông không đồng ý nên ông đòi lại. Vợ con ông phản đối từ năm 2001. Thế nhưng trong khoảng thời gian dài cho đến khi vợ chồng bà Th lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Ng, bà L vào ngày 14/5/2015 và sau đó ông H mới làm đơn tố giác rồi khởi kiện. Từ ngày 30/4/1990 đến khi ông H làm đơn khởi kiện ngày 01/3/2017 ông H không có kê khai, đăng ký đối với nhà đất này. Theo lời khai của bà Trần Thị Th thì vào năm

1990 ông H nói đưa tiền cho ông H rồi ông H mua cho, bà đã đưa cho ông H 5.000.000 đồng. Ông H đưa cho bà Quyết định số 23/QĐ-HC ngày 30/4/1990, bà sống từ đó cho đến khi bán cho vợ chồng ông Ng, bà L thì ông H không có tranh chấp gì. Các nhân chứng ông Trần Quang Long, bà Trần Thị Thái Thủy, bà Trần Thị Thắm, bà Trần Thị Liên, bà Trần Thị Mỹ Lệ là anh chị em ruột của ông H và bà Th đều khai: Năm 1990 bà Th là người mua thanh lý tài sản… Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Minh Đạt là người đại diện theo ủy quyền của UBND thị xã B đã khai: Quyết định thanh lý không phải là căn cứ để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đất bà Th sử dụng lâu dài, ổn định, đóng thuế đầy đủ và không có tranh chấp nên đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đề nghị Tòa không hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Th.

[2]. Đối với yêu cầu của nguyên đơn cũng như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn yêu cầu giám định tuổi mực của Quyết định số 23 QĐ/HC ngày 30/4/1990 là không cần thiết vì ông H thừa nhận là ông H làm giả quyết định này.

[3]. Với những chứng cứ đã được phân tích trên cho thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Xuân H về việc buộc bà Trần Thị Th trả lại đất, cùng các tài sản trên đất gồm nhà ăn, nhà bếp, giếng nước và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 718880 ngày 04/6/2012 đối với thửa đất số 186, tờ bản đồ số 27 của UBND huyện Q (nay là UBND thị xã B) đã cấp cho bà Trần Thị Th là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử Tòa án cấp phúc thẩm không chấp kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Xuân H cũng như quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn ông Trần Xuân H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Xuân H và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 34, 37, 156, khoản1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 164, 168, 169, 170, 255, 256 Bộ luật dân sự năm 2005;

Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 50 Luật đất đai năm 2003 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2009, 2010); điểm d khoản 2 Điều 106; Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Xuân H về việc buộc bà Trần Thị Th trả lại đất cùng các tài sản trên đất gồm nhà ăn, nhà bếp, giếng nước và yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 718880 ngày 04/6/2012 đối với thửa đất số 186, tờ bản đồ số 27 của UBND huyện Q (nay là UBND thị xã B) đã cấp cho bà Trần Thị Th.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc ông Trần Xuân H phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm. Được trừ 300.000đ ông H đã nộp tại biên lai thu tiền số 0005002 ngày 14/8/2017 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về phần tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vũ Thanh Liêm